CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Phát triển thương mại Viễn Đông

Ngày 31/12/2024	4,870 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.4%	-	-

DT thuần
Q4/24
331
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.0| 8.2%
YoY: ▼38.0| -10.3%

LN thuần
Q4/24
2.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.90| -70.0%
YoY: ▼9.78| -79.5%

LN sau thuế
Q4/24
1.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.18| -81.9%
YoY: ▼9.22| -85.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
3.0%
YoY: +/-▼ 2.1%

ROE
2024
2.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

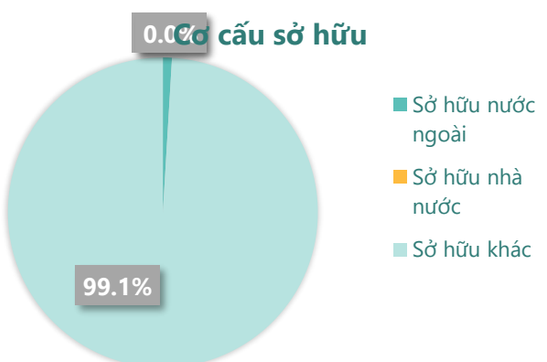
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,723 - 5,940
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
Số lượng CPLH (CP)	40,836,069
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,875
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.01
EPS	343
P/E	14.2

DT thuần
2024
1,189
tỷ VNĐ
YoY: ▼123| -9.4%

LN thuần
2024
13.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.7| -67.2%

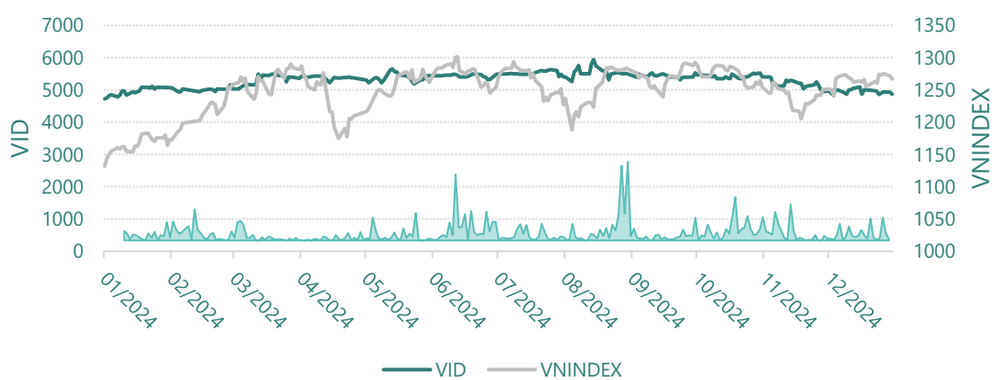
LN sau thuế
2024
14.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.8| -62.3%

Cơ cấu sở hữu

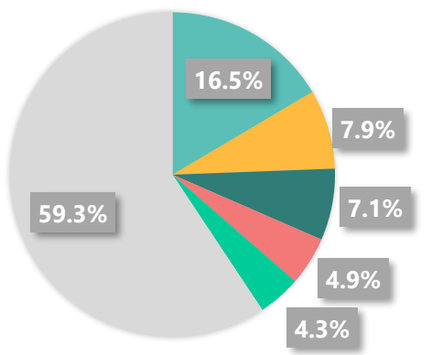


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



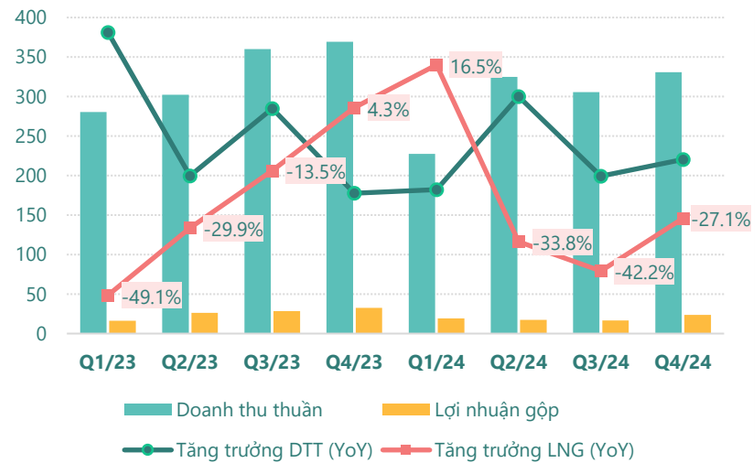
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

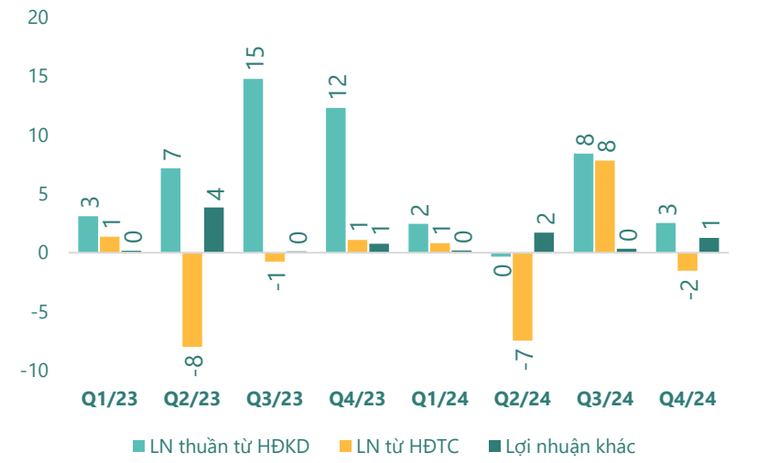
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



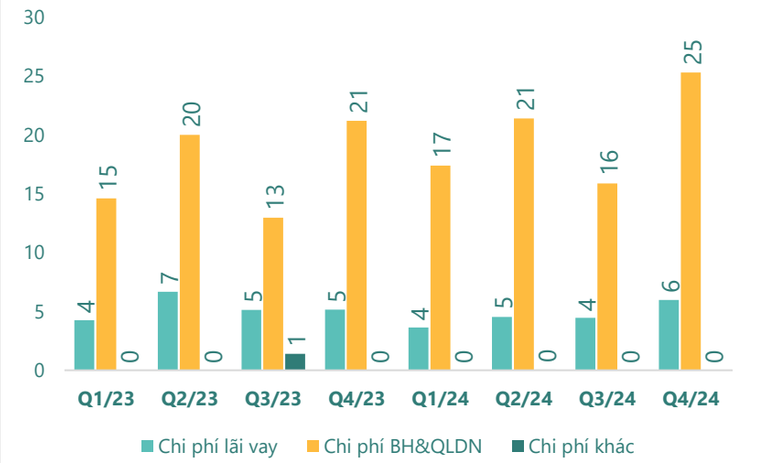
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



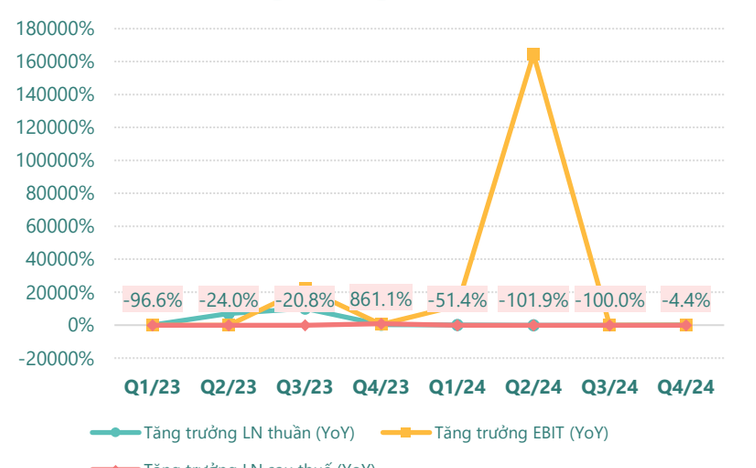
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



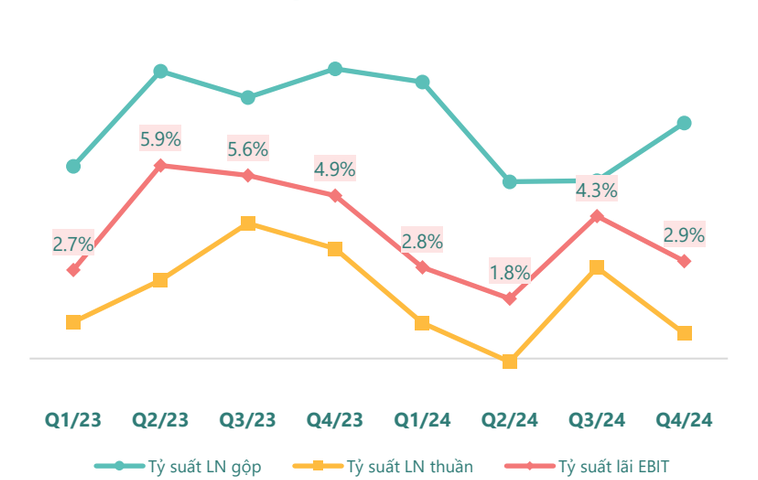
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



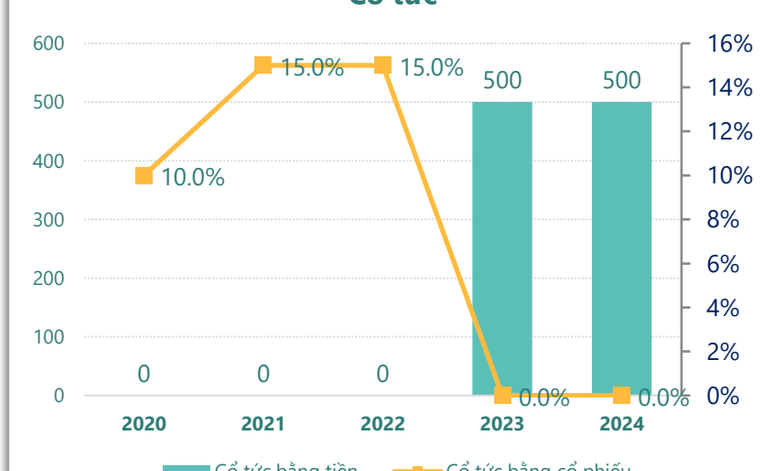
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

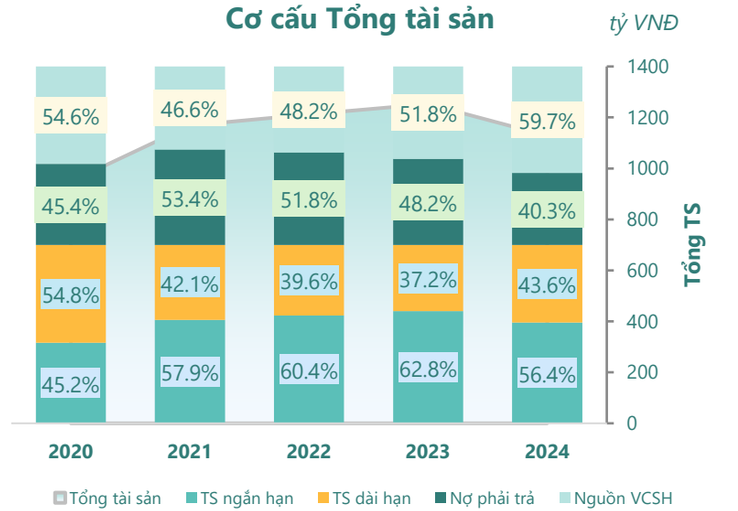
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

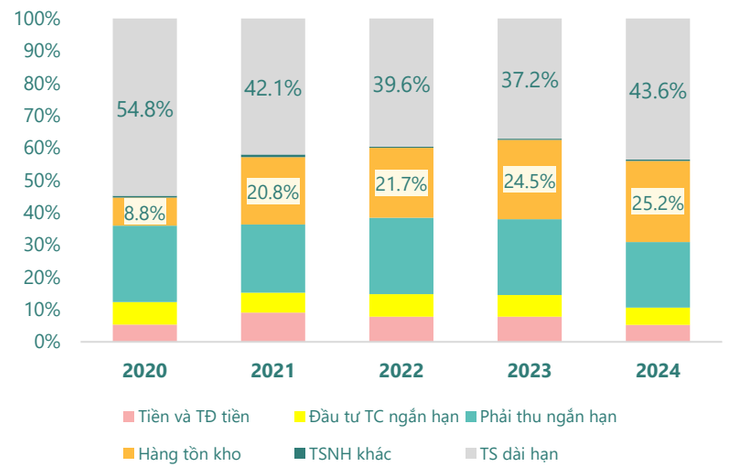
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



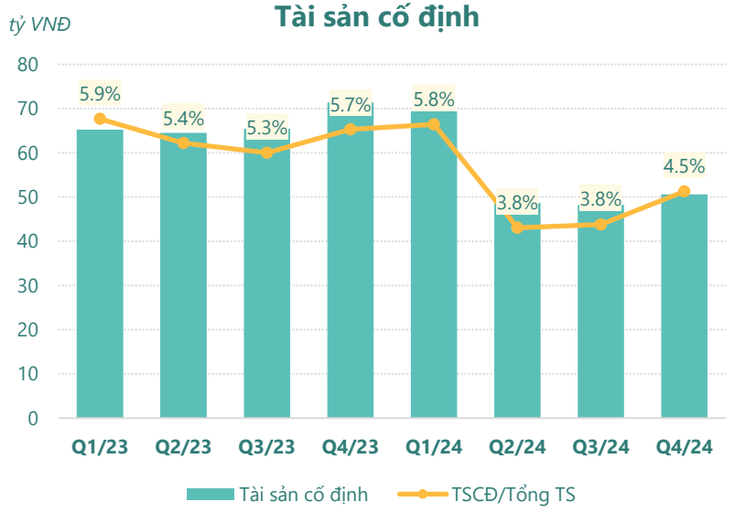
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



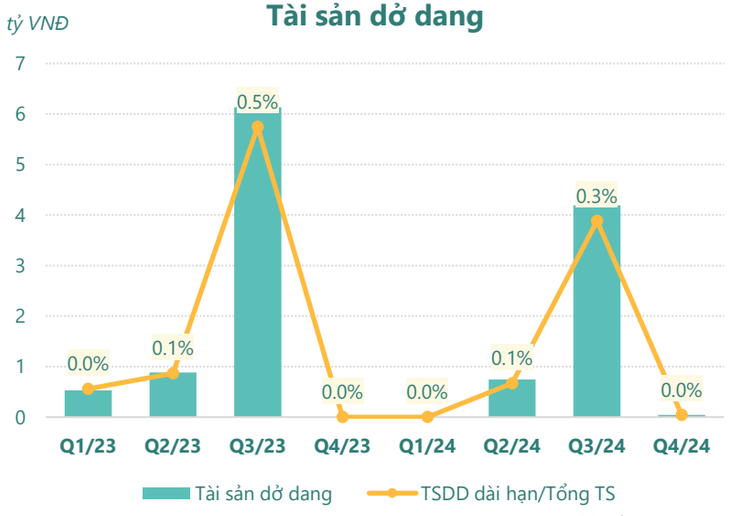
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



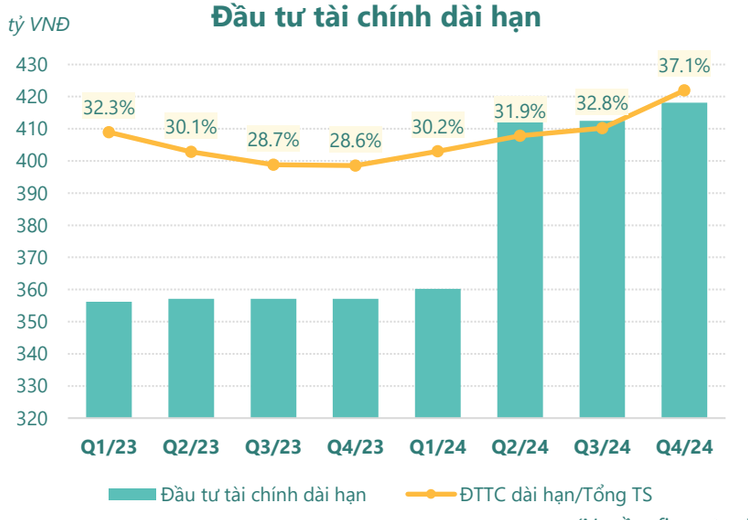
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



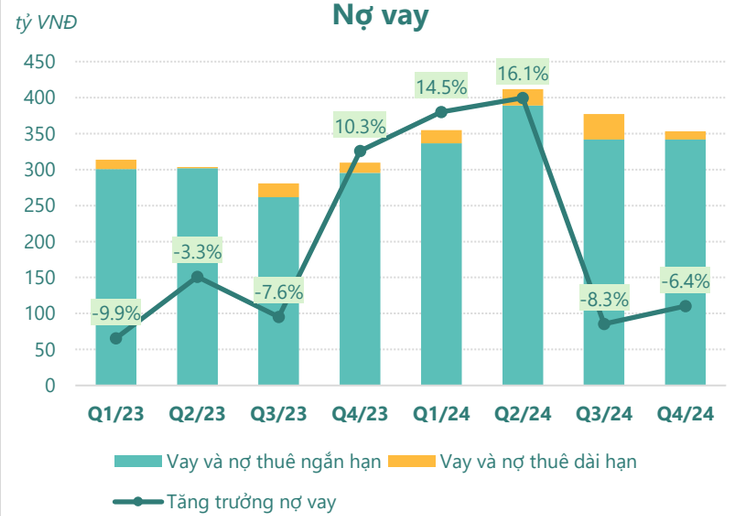
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

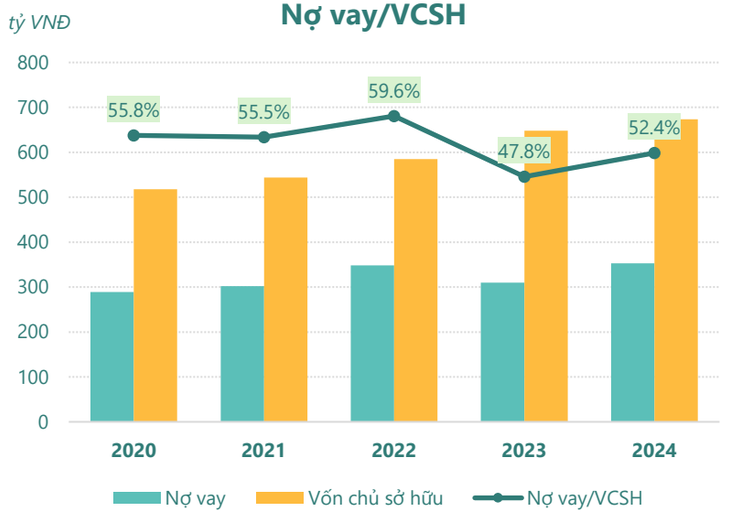
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

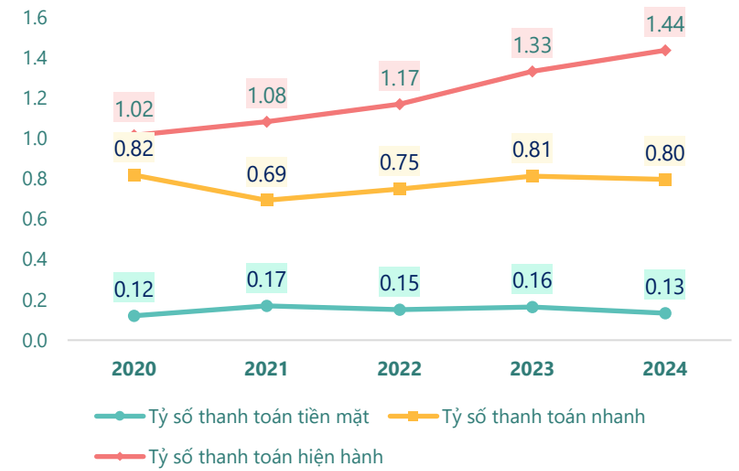
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



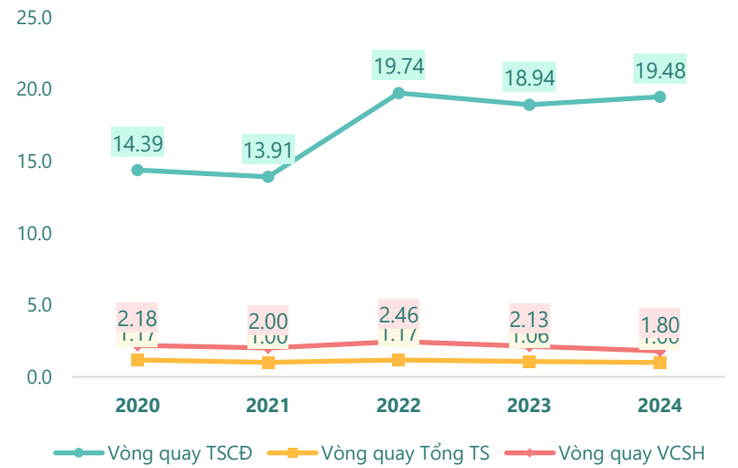
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



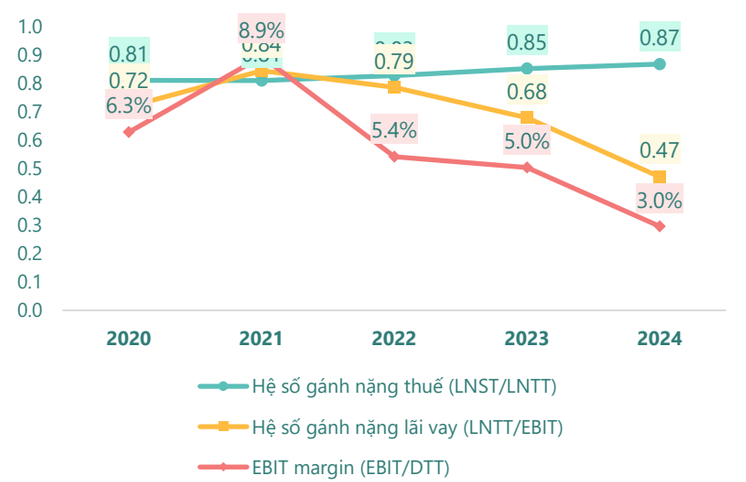
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



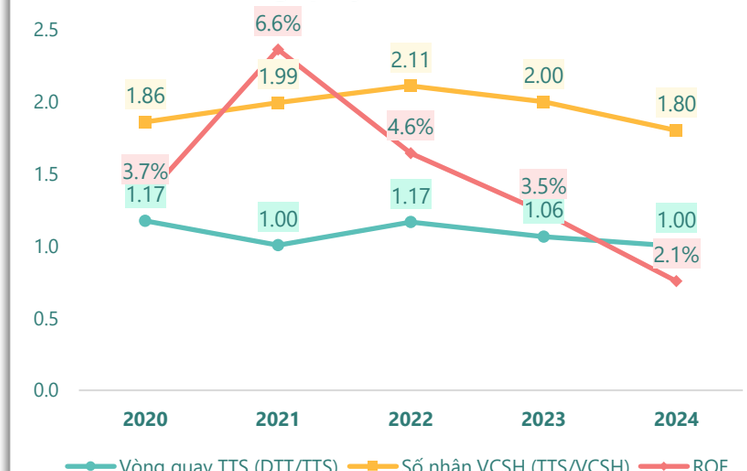
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



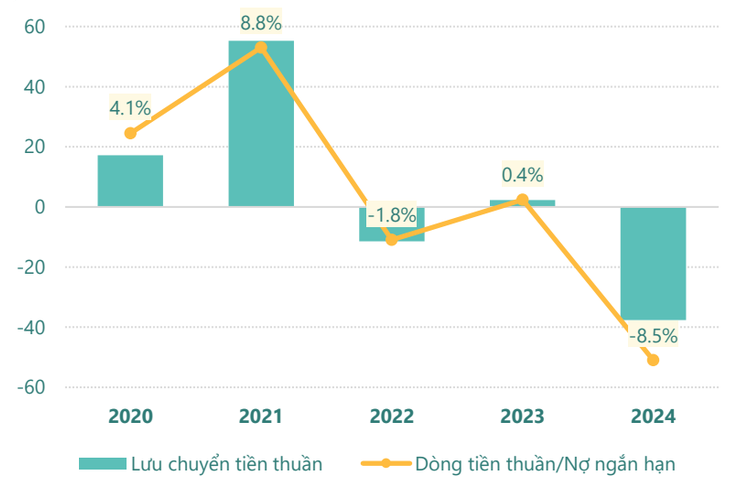
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**331**	**369**	**-10.3%**	**1,189**	**1,312**	**-9.4%**
Giá vốn hàng bán	307	337	-8.8%	1,112	1,208	-7.9%
Lợi nhuận gộp	23.6	32.4	-27.0%	76.6	104	-26.6%
Doanh thu HĐTC	9.10	12.5	-27.2%	28.2	18.3	54.1%
Chi phí TC	10.6	11.4	-6.8%	28.6	30.1	-5.1%
Chi phí lãi vay	5.99	5.15	16.3%	18.6	21.2	-12.2%
LN trong công ty LKLD	**5.73**	**0.00**		**16.9**	**17.3**	**-2.3%**
Chi phí bán hàng	9.23	10.3	-10.4%	31.8	32.8	-3.2%
Chi phí QLDN	**16.1**	**10.9**	**47.6%**	**48.3**	**37.2**	**29.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.52	12.3	-79.5%	13.1	39.8	-67.2%
Lợi nhuận khác	**1.25**	**0.77**	**62.0%**	**3.47**	**4.88**	**-29.0%**
LN trước thuế	3.77	13.1	-71.2%	16.5	44.7	-63.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.58**	**10.8**	**-85.3%**	**14.3**	**38.1**	**-62.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.65**	**4.76**	**-23.4%**	**14.0**	**21.3**	**-34.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.1	4.25	-97.0	-65.3	39.3	30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.65	-10.2	0	31.4	1.40	9.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.0	29.0	45.0	46.0	-54.8	-23.5
Tiền đầu kỳ	57.3	70.0	97.1	45.1	57.2	43.1
Lưu chuyển tiền thuần	**12.7**	**23.1**	**-52.0**	**12.0**	**-14.0**	**16.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	70.0	93.1	45.1	57.2	43.1	59.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,128**	**1,253**	**-10.0%**
Tài sản ngắn hạn	637	787	-19.1%
Tiền và tương đương tiền	59.5	97.1	-38.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.8	84.6	-29.3%
Phải thu ngắn hạn	228	294	-22.2%
Hàng tồn kho	284	307	-7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.09	4.73	7.7%
Tài sản dài hạn	**491**	**466**	**5.6%**
Phải thu dài hạn	0.55	30.2	-98.2%
Tài sản cố định	50.6	71.4	-29.1%
Bất động sản đầu tư	18.8	0	
Tài sản dở dang	0.04	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	418	360	16.1%
Tài sản dài hạn khác	**1.49**	**1.09**	**36.9%**
Lợi thế thương mại	1.78	2.67	-33.3%
Nợ phải trả	454	604	-24.9%
Nợ ngắn hạn	**443**	**590**	**-25.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	342	296	15.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.1	263	-65.3%
Nợ dài hạn	11.2	14.0	-20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.2	14.0	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**674**	**648**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**674**	**648**	**3.9%**
Vốn điều lệ	408	408	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)